

hợp nêu tại khoản 1 và 4 Điều 6 trên đây (nếu có).

3. Trách nhiệm của chuyên gia và người thân:

a) Trong thời gian lưu trú hoặc công tác ở Việt Nam, chuyên gia và người thân phải tuân theo sự hướng dẫn và quản lý của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, phải tôn trọng và tuân thủ luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký giữa các bên.

c) Ngoài những công việc hoặc hoạt động đã được thỏa thuận hay quy định trong các văn bản ký kết giữa các Bên, chuyên gia không được phép hành nghề vì bất kỳ mục đích thu lợi nào trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác trong các Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia hoặc ký kết.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này và các vi phạm khác của pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật Việt Nam./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 212/1998/QĐ-TTg ngày 02/11/1998
về ban hành Quy chế Kho ngoại quan.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Kho ngoại quan.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 104/TTg ngày 16/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Kho ngoại quan.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

QUY CHẾ Kho ngoại quan

(ban hành kèm theo Quyết định số 212/1998/QĐ-TTg ngày 02/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi được lập trên lãnh thổ Việt Nam, ngăn cách với khu vực xung quanh để tạm lưu giữ, bảo quản hoặc thực hiện một số dịch vụ đối với hàng hóa từ nước ngoài, hoặc từ trong nước đưa vào theo hợp đồng thuê Kho ngoại quan được ký giữa chủ

kho và chủ hàng dưới sự kiểm tra, giám sát của Hải quan.

Hàng hóa gửi để tạm lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan nếu là hàng xuất khẩu là hàng đã làm xong thủ tục hải quan để xuất khẩu; nếu là hàng từ nước ngoài đưa vào là hàng chờ chuyển tiếp đi nước khác hoặc chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam, chưa phải nộp thuế nhập khẩu. Chủ hàng được bảo đảm quyền sở hữu đối với hàng hóa của mình gửi trong Kho ngoại quan.

Điều 2. Kho ngoại quan và tất cả hàng hóa, phương tiện vận tải ra, vào hoặc lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan phải chịu sự kiểm tra, giám sát và quản lý của cơ quan Hải quan.

Điều 3. Những từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. "Chủ kho": Là doanh nghiệp được phép kinh doanh Kho ngoại quan.

2. "Chủ hàng": Là người (pháp nhân, thể nhân) có hàng hóa gửi trong Kho ngoại quan.

3. "Đại diện hợp pháp của chủ hàng": Là người được chủ hàng ủy quyền theo quy định của pháp luật, kể cả người nước ngoài. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định đối với đại diện hợp pháp đã ủy quyền.

4. "Hải quan Kho ngoại quan": Là đơn vị Hải quan trực tiếp thực hiện việc làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra, lưu giữ, bảo quản và các dịch vụ trong Kho ngoại quan.

Chương II

THÀNH LẬP VÀ THUÊ KHO NGOẠI QUAN

Điều 4. Kho ngoại quan được phép thành lập ở các khu vực sau:

1. Các tỉnh, thành phố là đầu mối giao lưu hàng hóa giữa nước ta với nước ngoài, có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn, có điều kiện thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thủ tướng Chính phủ quyết định từng trường hợp cụ thể các tỉnh, thành phố được phép lập Kho ngoại quan theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Tổng cục Hải quan.

2. Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, đặc khu kinh tế (dưới đây gọi chung là Khu công nghiệp) đã được các cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập.

Điều 5. Thành lập Kho ngoại quan.

1. Doanh nghiệp nằm trên địa bàn các khu vực quy định tại khoản 1 Điều 4, khi xin phép thành lập Kho ngoại quan phải có các điều kiện:

a) Doanh nghiệp nhà nước Việt Nam có đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ kinh doanh kho vận, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, có trình độ về nghiệp vụ giao dịch thương mại quốc tế.

b) Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng các mặt bằng kho, bãi cần thiết theo đúng pháp luật. Kho, bãi phải được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào chắc chắn, có trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của hải quan.

c) Chấp hành tốt chính sách pháp luật; quan hệ về kinh doanh, tài chính, tín dụng rõ ràng.

d) Nộp đầy đủ lệ phí thành lập Kho ngoại quan theo quy định.

e) Hồ sơ xin thành lập Kho ngoại quan bao gồm:

- Đơn xin thành lập Kho ngoại quan theo mẫu do Tổng cục Hải quan ban hành.

- Văn bản đề nghị của Bộ chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố gửi Thủ tướng Chính phủ và Tổng cục Hải quan.

- Giấy phép hoặc quyết định thành lập doanh nghiệp (bản sao có công chứng).

- Sơ đồ thiết kế khu vực kho, bãi thể hiện rõ đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, bố trí các kho hàng, hệ thống đường vận chuyển nội bộ khu

kho, hệ thống bảo vệ, phòng, chữa cháy, văn phòng kho và nơi làm việc của đơn vị Hải quan kho.

- Báo cáo giải trình cụ thể (bằng văn bản) về hoạt động của kho.

- Chứng từ về tài khoản tại ngân hàng.

- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho, bãi.

2. Doanh nghiệp xin thành lập Kho ngoại quan trong các Khu công nghiệp phải có các điều kiện sau:

a) Phải là doanh nghiệp có chức năng kinh doanh kho vận, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu cho Khu công nghiệp.

b) Kho ngoại quan phải được thành lập trong ranh giới địa lý Khu công nghiệp.

c) Chấp hành tốt chính sách pháp luật; quan hệ về kinh doanh, tài chính, tín dụng rõ ràng.

d) Nộp đầy đủ lệ phí thành lập Kho ngoại quan theo quy định.

e) Hồ sơ xin thành lập Kho ngoại quan:

- Đơn xin thành lập Kho ngoại quan theo mẫu do Tổng cục Hải quan ban hành.

- Quyết định chấp thuận đầu tư của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng).

- Có văn bản đề nghị của Ban quản lý Khu công nghiệp cấp tỉnh, thành phố gửi Thủ tướng Chính phủ và Tổng cục Hải quan. Mỗi Khu công nghiệp không quá 01 doanh nghiệp được phép thành lập Kho ngoại quan.

- Sơ đồ thiết kế khu vực kho trong tổng thể Khu công nghiệp, thể hiện rõ: Đường ranh giới ngăn cách với phần còn lại của Khu công nghiệp, vị trí các kho hàng, hệ thống đường vận chuyển nội bộ khu kho, hệ thống bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy, Văn phòng kho và nơi làm việc của Hải quan kho.

- Báo cáo giải trình cụ thể (bằng văn bản) về hoạt động của kho.

- Hợp đồng thuê đất hoặc kho, bãi trong Khu công nghiệp.

Điều 6. Thủ tục xét cấp giấy phép kinh doanh Kho ngoại quan.

1. Đơn xin thành lập Kho ngoại quan và bộ hồ sơ được gửi đến Hải quan tỉnh, thành phố. Trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ của doanh nghiệp, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu hồ sơ, khảo sát thực tế kho, bãi, có báo cáo và kiến nghị với Tổng cục Hải quan. Trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và hồ sơ của doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, trong thời gian 15 ngày Tổng cục Hải quan phải hoàn thành thủ tục cấp giấy phép thành lập Kho ngoại quan.

2. Định kỳ mỗi năm một lần và đột xuất, Tổng cục Hải quan tiến hành kiểm tra tình hình hoạt động của từng Kho ngoại quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện pháp luật, chấp hành Quy chế Kho ngoại quan của các doanh nghiệp được cấp giấy phép.

Đối với các trường hợp chủ Kho ngoại quan vi phạm chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động của Kho ngoại quan mà trong 1 năm có 3 lần bị xử lý hành chính do vi phạm Quy chế Kho ngoại quan ở mức phạt tiền từ 20 triệu đồng trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Tổng cục Hải quan ra quyết định rút giấy phép.

3. Sau thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận giấy phép thành lập Kho ngoại quan, doanh nghiệp không đưa kho vào hoạt động mà không có lý do chính đáng thì Tổng cục Hải quan ra quyết định rút giấy phép.

4. Căn cứ vào nhu cầu kinh doanh, kiến nghị của doanh nghiệp và phù hợp với vị trí địa lý và các điều kiện hoạt động của Kho ngoại quan, Tổng cục Hải quan quyết định cho phép doanh nghiệp mở rộng, thu hẹp, dịch chuyển địa điểm Kho ngoại quan hoặc tạm thời sử dụng các kho, bãi gần khu vực Kho ngoại quan trong thời gian nhất định để lưu giữ hàng gửi Kho ngoại quan,

nhưng phải đảm bảo đủ các điều kiện để quản lý chặt chẽ theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Sau khi có sự thỏa thuận hoặc ủy quyền của chủ hàng, chủ Kho ngoại quan được phép làm các dịch vụ sau đây trong Kho ngoại quan:

1. Vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu vào Kho ngoại quan và từ Kho ngoại quan ra cửa khẩu;
2. Môi giới tiêu thụ đối với hàng hóa gửi Kho ngoại quan;
3. Thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan;
4. Môi giới giám định, bảo hiểm;
5. Tái chế, gia cố bao bì, đóng gói lại, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa; các loại dịch vụ này phải thực hiện trong Kho ngoại quan có sự giám sát của hải quan.
6. Vận chuyển hàng hóa từ Kho ngoại quan này sang Kho ngoại quan khác.

Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Điều này.

Điều 8. Chủ Kho ngoại quan trong các Khu công nghiệp ngoài việc được thực hiện các dịch vụ ghi tại Điều 7, còn được tạm nhập khẩu hàng hóa là vật tư, nguyên liệu để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất trong Khu công nghiệp đó. Hàng hóa này thuộc diện chưa phải chịu thuế nhập khẩu cho đến khi được phép nhập khẩu chính thức vào Việt Nam.

Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Điều này.

Điều 9. Thuê Kho ngoại quan.

1. Đối tượng được phép thuê Kho ngoại quan:
 - Doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài và cá nhân người nước ngoài.
 - Doanh nghiệp Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế được phép kinh doanh xuất nhập khẩu.
 - Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
2. Hợp đồng thuê Kho ngoại quan:

Hợp đồng thuê Kho ngoại quan do chủ kho và chủ hàng thỏa thuận theo yêu cầu chung của hai bên, đảm bảo phù hợp với chính sách, pháp luật Việt Nam. Trong hợp đồng, nhất thiết phải ghi những nội dung: tên chủng loại hàng hóa, số lượng, chất lượng hàng hóa; thời hạn thuê kho, các dịch vụ ghi tại Điều 7 nếu chủ hàng có yêu cầu.

Hợp đồng thuê Kho ngoại quan phải được ký và đăng ký với cơ quan hải quan chậm nhất 24 giờ trước khi hàng tới cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam.

3. Thời hạn thuê Kho ngoại quan được quy định trong hợp đồng thuê kho nhưng không quá 01 (một) năm. Thời hạn thuê kho có thể được gia hạn thêm 02 lần, mỗi lần không quá 06 tháng và phải thông báo bằng văn bản cho hải quan Kho ngoại quan trước khi hợp đồng thuê kho hết hạn.

Trường hợp hợp đồng thuê kho đã hết hạn mà chủ hàng không làm thủ tục gia hạn thì hàng hóa bị xử lý như sau:

- Nếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng mà chủ hàng ký hợp đồng gia hạn thì hải quan chấp nhận hợp đồng gia hạn.

- Ngoài 30 ngày thì cứ 01 tháng chủ kho phải thông báo cho chủ hàng 01 lần. Trong 03 tháng kể từ ngày hết hạn hợp đồng, nếu chủ hàng ký hợp đồng gia hạn thì xử lý vi phạm hành chính, chấp nhận hợp đồng gia hạn. Quá 03 tháng kể từ ngày hết hạn hợp đồng mà chủ hàng không ký hợp đồng gia hạn thì chủ kho thông báo bằng văn bản cho chủ hàng và Hải quan Kho ngoại quan. Sau 15 ngày kể từ ngày công bố thông báo mà chủ hàng không trả lời thì hải quan tổ chức thanh lý theo quy định hiện hành, tiền thanh lý nộp ngân sách nhà nước sau khi trừ các chi phí lưu kho, phí dịch vụ (nếu có) và chi phí tổ chức thanh lý theo quy định của Bộ Tài chính.

- Trong thời hạn gửi hàng nếu chủ hàng có văn bản hoặc giữa chủ kho và chủ hàng cùng có văn bản thỏa thuận từ bỏ hàng hóa gửi kho thì hải quan tổ chức thanh lý. Tiền thanh lý hàng hóa đó được xử lý như quy định nêu trên.

- Nếu hàng hóa bị hư hỏng không còn sử dụng được thì được phép tiêu hủy theo quy định tại khoản 4, Điều 13 Quy chế này.

Chương III

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯA VÀO, ĐƯA RA VÀ LƯU GIỮ BẢO QUẢN TRONG KHO NGOẠI QUAN

Điều 10. Hàng hóa đưa vào, đưa ra và lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan:

1. Tất cả các loại hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, hàng từ nước ngoài đưa vào Việt Nam để chờ chuyển tiếp sang nước khác hoặc chờ nhập khẩu vào Việt Nam của các đối tượng được phép thuê Kho ngoại quan quy định tại khoản 1 Điều 9 đều được đưa vào lưu giữ trong Kho ngoại quan, trừ các hàng hóa sau đây:

- Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc tên gọi xuất xứ Việt Nam.

- Hàng gây nguy hiểm công cộng hoặc ô nhiễm môi trường.

- Hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Những hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu trong từng thời kỳ vẫn được phép đưa vào lưu giữ trong Kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài. Hàng tạm ngừng xuất khẩu không được phép đưa vào lưu giữ trong Kho ngoại quan.

2. Hàng gửi Kho ngoại quan chờ nhập khẩu vào thị trường nội địa bao gồm:

- Hàng của chủ hàng là người nước ngoài chưa ký hợp đồng bán hàng cho doanh nghiệp ở Việt Nam.

- Hàng của doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài nhưng chưa làm thủ tục hải quan nhập khẩu vào thị trường nội địa.

3. Hàng hóa lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan phải phù hợp với hợp đồng thuê Kho ngoại quan. Hàng hóa đưa vào, đưa ra Kho ngoại quan

đều phải làm thủ tục hải quan và nộp lệ phí hải quan theo đúng quy định.

4. Việc vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu hoặc từ địa điểm tập kết sau khi đã làm xong thủ tục hải quan (đối với hàng xuất khẩu đưa vào Kho ngoại quan) đến Kho ngoại quan hoặc từ Kho ngoại quan đến cửa khẩu đều phải chịu sự giám sát, quản lý của hải quan. Việc vận chuyển này được tiến hành cả bằng đường biển hoặc đường bộ; qua các cửa khẩu quốc tế, quốc gia.

Trường hợp giao hàng xuất khẩu đi qua các địa điểm khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới xem xét quyết định từng địa điểm cụ thể nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giữ vững lợi ích, chủ quyền an ninh quốc gia, trật tự biên giới và chống buôn lậu.

Điều 11. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào Kho ngoại quan:

1. Hàng từ nước ngoài đến cửa khẩu đầu tiên của Việt Nam trước khi đưa vào Kho ngoại quan, chủ hàng hoặc người đại diện hợp pháp của chủ hàng phải nộp cho hải quan Kho ngoại quan hợp đồng thuê Kho ngoại quan, tờ khai và các chứng từ khác do Tổng cục Hải quan quy định. Thủ tục nhập kho theo quy định của Tổng cục Hải quan.

2. Hàng từ nội địa Việt Nam đưa vào Kho ngoại quan bao gồm hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan chờ xuất khẩu; hàng hết thời hạn tạm nhập phải tái xuất khẩu; hàng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định buộc phải tái xuất khẩu.

Đối với hàng từ nội địa Việt Nam đưa vào Kho ngoại quan, chủ hàng phải làm đầy đủ các thủ tục hải quan như đối với một lô hàng xuất khẩu, kể cả việc nộp thuế (nếu có) theo luật định. Chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng phải nộp cho hải quan Kho ngoại quan hợp đồng thuê Kho ngoại quan, tờ khai hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan, tờ khai hàng đưa vào Kho ngoại quan và các chứng từ cần thiết khác do Tổng cục Hải quan quy định để làm thủ tục nhập kho.

Điều 12. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra khỏi Kho ngoại quan:

1. Đưa hàng ra nước ngoài:

Chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng xuất hàng hóa trong kho ra nước ngoài phải thực hiện khai báo hải quan và xuất trình cho hải quan Kho ngoại quan:

- Tờ khai hàng hóa xuất.
- Giấy ủy quyền xuất hàng (nếu chưa được ủy quyền trong hợp đồng thuê kho).
- Phiếu xuất kho.

Hải quan Kho ngoại quan đối chiếu bộ chứng từ khai báo khi xuất kho với chứng từ khi làm thủ tục nhập kho và thực tế lô hàng, nếu phù hợp thì làm thủ tục xuất, thực hiện chế độ niêm phong hải quan hoặc áp tải hàng đến cửa khẩu xuất hàng. Nếu lô hàng của một hợp đồng xuất một lần không hết thì trừ lùi cho đến hết số lượng hàng hóa ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trong việc giao hàng thì thời hạn lưu giữ hàng tại khu vực cửa khẩu biên giới cũng không được quá 180 ngày. Nếu tại khu vực cửa khẩu biên giới có Kho ngoại quan thì phải gửi vào Kho ngoại quan để chờ xuất khẩu. Sau thời hạn 180 ngày, nếu hàng hóa chưa đưa hết ra khỏi Việt Nam thì chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng phải ký hợp đồng gửi hẳn vào Kho ngoại quan biên giới hoặc ký hợp đồng đưa hàng trở lại Kho ngoại quan cũ và làm thủ tục nhập kho trở lại.

2. Nhập hàng hóa vào Việt Nam:

a) Hàng từ nước ngoài tạm gửi Kho ngoại quan, hàng hết thời hạn tạm nhập phải làm thủ tục tái xuất gửi Kho ngoại quan nếu được phép nhập khẩu đưa vào tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam thì coi như hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam và phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu. Thời điểm nhập khẩu là thời điểm hải quan đăng ký tờ khai hàng nhập khẩu. Hàng vi phạm pháp luật có quyết định xử lý buộc phải tái xuất gửi Kho ngoại quan không được nhập khẩu trở lại.

b) Hàng hóa từ Kho ngoại quan đưa vào Khu chế xuất và Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao và ngược lại coi như hàng nhập khẩu từ nước ngoài hoặc xuất khẩu ra nước ngoài thực hiện theo Quy chế này và Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ.

Điều 13. Quản lý lưu giữ, bảo quản hàng trong Kho ngoại quan.

1. Mọi sự dịch chuyển hàng hóa trong kho hoặc từ kho này sang kho khác phải thông báo Hải quan Kho ngoại quan. Để thực hiện các dịch vụ ghi tại Điều 7 của Quy chế này, chủ kho phải thông báo cho Hải quan Kho ngoại quan trước khi thực hiện và phải chịu sự giám sát của Hải quan Kho ngoại quan trong suốt quá trình thực hiện.

2. Chủ Kho ngoại quan phải mở sổ sách theo dõi xuất, nhập kho theo mẫu thống nhất và chế độ ghi chép báo cáo do Tổng cục Hải quan quy định.

3. Hàng năm, chủ kho phải tổ chức kiểm kê hàng tồn đọng trong Kho ngoại quan dưới sự giám sát của Hải quan Kho ngoại quan. Định kỳ 06 tháng, 01 năm chủ Kho ngoại quan phải báo cáo cho Hải quan Kho ngoại quan về hoạt động của Kho ngoại quan.

4. Trong trường hợp muốn tiêu hủy những lô hàng đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình lưu kho, phải có thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng với chủ kho gửi cho Hải quan tỉnh, thành phố nơi có Kho ngoại quan. Việc tiêu hủy những lô hàng này phải làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Những hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy chế này thay thế Quy chế Kho ngoại quan ban hành kèm theo Quyết định số 104/TTg ngày 16/3/1994 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định số 212/1998/QĐ-TTg ngày 02/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 16. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy chế này, Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 215/1998/QĐ-TTg ngày 04/11/1998
về việc tổ chức huy động, quản lý
và sử dụng nguồn vốn tiền gửi tiết
kiệm bưu điện.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 3/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về bưu chính và viễn thông;

Xét dự án khả thi dịch vụ tiết kiệm bưu điện của Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước và Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam tổ chức dịch vụ tiết kiệm bưu điện, nhằm huy động mọi nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển theo chủ trương của Chính phủ và theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Điều 2. Nguồn vốn tiết kiệm bưu điện do Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam huy động trong các tầng lớp dân cư được thực hiện dưới hình thức tiết kiệm có kỳ hạn và tiết kiệm không kỳ hạn.

Điều 3. Lãi suất huy động tiết kiệm bưu điện do Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam quy định phù hợp với lãi suất thị trường, phù hợp với mặt bằng lãi suất của từng thời điểm, bảo đảm huy động được vốn theo kế hoạch. Lãi suất Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia trả cho Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trên cơ sở lãi suất trái phiếu Kho bạc Nhà nước cùng loại, cùng thời kỳ.

Chênh lệch lãi suất huy động tiết kiệm bưu điện được miễn thuế doanh thu hoặc thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn vốn tiết kiệm bưu điện được tập trung, điều chuyển qua tài khoản tiền gửi "Dịch vụ tiết kiệm bưu điện" của Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và được sử dụng như sau:

- Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam được giữ lại một phần để chi trả thường xuyên, còn lại Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam chuyển giao cho Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia sử dụng để cho vay vốn đối với các dự án đầu tư theo định hướng của Chính phủ và quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

- Trường hợp nguồn vốn sau khi đã chuyển cho Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia đủ theo kế hoạch và